

Bản án số: 478/2022/HSST
Ngày: 23/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy
Bà Công Thị Minh Lợi

- Thư ký phiên tòa:

Ông Hoàng Nghĩa Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 454/HSST ngày 26/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/QĐXXST ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Đ T**, Sinh năm 1959 Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Nguyễn H T; Nơi ĐK HKTT: Hòa Phong, phường Minh Nông, TP. Việt Trì, Phú Thọ; Chỗ ở: xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do Văn hóa: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn P N (chết), con bà: Nguyễn T Y (chết); Vợ: Phạm T L, sinh năm 1967, có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2002. Danh chỉ bản số 412 lập ngày 20/6/2022.

Tiền án, tiền sự:

-Bản án số 13 ngày 20/03/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 03 năm 06 tháng về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài (chưa nộp số tiền truy thu 9,4 triệu đồng)

Bị cáo bị bắt ngày truy nã: 10/6/2022, Hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội, Số giam: 2618/B9. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2008, qua kiểm tra giấy tờ tùy thân, Cảnh sát Nhật Bản phát hiện Phạm T H, (sinh ngày 11/9/1972, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đội 10 - thôn Ngọc Mạch - xã Xuân Phương - huyện Từ Liêm - thành phố Hà Nội) nhập cảnh vào Nhật bản bằng hộ chiếu B0216315 mang tên Nguyễn Thị Xoan do Công An Việt Nam cấp không đúng tên. Ngày 23/11/2008 Cảnh sát Nhật Bản thu hồi quyền hộ chiếu trên và trục xuất H về Việt Nam.

Vật chứng thu được:

- Đơn xin cấp CMND đề ngày 18/1/2006 mang tên Nguyễn Thị Xoan - sinh ngày 07/5/1980 ở Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ.

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông đề ngày 19/1/2006 mang tên Nguyễn Thị Xoan - sinh ngày 07/5/1980 ở Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm T H khai: H nhập cảnh sang Nhật Bản theo hộ chiếu A1549992A do Công an Việt nam cấp theo diện tu nghiệp sinh. Đến tháng 7/2001, khi gần hết thời hạn, H trốn ở lại Nhật Bản trái phép và bị Cảnh sát Nhật Bản bắt, trục xuất về Việt Nam vào ngày 12/10/2001, đồng thời bị cấm nhập cảnh Nhật Bản trong thời gian 05 năm.

Tháng 01/2005, Phạm T H xin cấp hộ chiếu mới tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và ngày 01/03/2005, H được cấp hộ chiếu phổ thông số A1549992A. H muốn sang Nhật Bản lần nữa để lao động, nên sử dụng hộ chiếu này xin cấp thị thực tại Đại sứ quán Nhật Bản ở Hà Nội, nhưng Đại sứ quán Nhật Bản đã từ chối cấp thị thực cho H. Cuối năm 2005, H được Lê Duy Vượng (có tên khác là Tám, đăng ký HKTT xã Thạch Khoán - huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ, thuê trọ tại xã Xuân Phương - Từ Liêm - Hà Nội) giới thiệu và đưa đến gặp Nguyễn Đ T là cán bộ Cảnh sát 113 - Công an tỉnh Phú Thọ để thuê T làm thủ tục xuất cảnh nước ngoài. Nguyễn Đ T nhận lời giúp H, thỏa thuận H phải làm hộ chiếu mang tên, tuổi và địa chỉ của người khác thì mới xuất cảnh được, chi phí hết 10 triệu đồng. H đồng ý và chụp ảnh gửi cho T để làm Chứng minh nhân dân (CMND), Hộ chiếu phổ thông. Do có quan hệ từ trước, T nhờ Lương H C - Trưởng Công an xã Vụ Quang - huyện Đoan Hùng - tỉnh Phú Thọ cấp giấy tờ giả cho H bằng cách dán ảnh của H vào giấy tờ mang tên người khác.

Trước khi vào làm, T đưa cho sổ hộ khẩu, ảnh, Đơn xin cấp CMND đã ghi đầy đủ nội dung mang tên “Nguyễn Thị Xoan, sinh ngày 07/5/1980 ở Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ” và có xác nhận của Công an xã, lúc này chị H ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Xoan vào mục “Người khai ký tên” rồi vào làm thủ tục xin cấp CMND.

Công an tỉnh Phú Thọ đã cấp CMND số 131254500 mang tên Nguyễn Thị Xoan, sinh ngày 07/5/1980 ở Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ, nhưng ảnh trong CMND là của H. Khi được cấp CMND, T gọi điện cho H lên Phú Thọ để làm hộ chiếu. Tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Phú Thọ, H được T đưa cho Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông đã ghi đầy đủ nội dung và có xác nhận của Công an xã Vụ Quang, cùng CMND, sổ hộ khẩu. H ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Xoan vào mục “Người đề nghị” của Tờ khai rồi vào làm thủ tục xin cấp hộ chiếu.

Ngày 26/1/2006 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp hộ chiếu số B0216315 mang tên Nguyễn Thị Xoan - sinh ngày 07/5/1980 ở Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ, nhưng ảnh trong hộ chiếu là của H. T lấy hộ chiếu rồi mang xuống đưa cho H tại xã Xuân Phương - Từ Liêm - Hà Nội và nhận 10 triệu đồng do chị H đưa như đã thỏa thuận. T giới thiệu và cho chị H số điện thoại của một người phụ nữ tên là Minh, quê ở Phú Thọ để H thuê Minh làm thị thực (visa) nhập cảnh Nhật Bản. H đã gọi điện và được Minh hẹn gặp ở khu vực Cầu Diễn - Hà Nội, thỏa thuận sẽ làm visa thương mại nhập cảnh Nhật Bản cho H với giá 11.500 USD, có visa, vé máy bay mới thanh toán tiền. H đưa cho Minh hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Xoan để Minh làm visa. Minh biết hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Xoan do H đưa là tên giả. Đến ngày 27/3/2006, Minh đưa cho H vé máy bay, hộ chiếu đã đóng visa nhập cảnh Nhật Bản với mục đích thương mại trong thời gian 15 ngày và bộ hồ sơ có nội dung thể hiện Nguyễn Thị Xoan là nhân viên Công ty TNHH Tân Trường An - Hà Nội sang Nhật Bản để mua bán máy móc. H đã thanh toán cho Minh 11.500 USD như thỏa thuận.

H sử dụng hộ chiếu, thị thực mang tên Nguyễn Thị Xoan xuất cảnh sang Nhật Bản vào ngày 27/3/2006, rồi trốn ở lại trái phép. Đến tháng 8/2008, do không kiếm được việc làm, H ra đầu thú với Cảnh sát Nhật Bản để xin về Việt Nam. Cảnh sát Nhật Bản kiểm tra và phát hiện H nhập cảnh Nhật Bản lần thứ hai đã thu giữ hộ chiếu số B0216315 mang tên Nguyễn Thị Xoan, yêu cầu phải có hộ chiếu đúng tên của H mới cho về nước, gia đình H gửi hộ chiếu số A1549992A sang Nhật Bản cho H.

Ngày 23/11/2008, H sử dụng hộ chiếu số A1549992A nhập cảnh Việt Nam qua Cửa khẩu Nội Bài. Sau khi nhập cảnh, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã thu giữ hộ chiếu số A1549992A, cấm xuất cảnh đối với H trong thời gian 02 năm vì có hành vi giả mạo hồ sơ để được cấp hộ chiếu.

Lương H C khai: vào cuối năm 2005, Nguyễn Đ T nhiều lần gọi điện nhờ Cường mượn hộ giấy khai sinh của ai là nữ, có năm sinh khoảng 1978 hoặc 1979 để làm giấy tờ cho người khác đi nước ngoài. Do nể nang, Cường nhận lời giúp T. Cường gặp Nguyễn Thị Soan (cháu gọi Cường bằng cậu) hỏi mượn Giấy khai sinh. Cường nói lý do: để làm lại cho đứa cháu bị mất giấy khai sinh, xin việc làm. Soan đã đưa cho Cường

mượn bản sao giấy khai sinh của Soan, Cường đã đưa cho T. Một hôm sau, T gọi điện bảo Cường mang theo con dấu của Công an xã Vụ Quang, dấu chức danh của Cường đến Công an huyện Đoan Hùng - tỉnh Phú Thọ để xác nhận giấy tờ giúp T. Tại quán nước đối diện cổng Công an huyện Đoan Hùng, T đưa Đơn xin cấp CMND, Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông đã dán ảnh của một người phụ nữ và quyển sổ hộ khẩu, tất cả các giấy tờ này chưa có nội dung. T bảo Cường viết nội dung theo thông tin trong bản sao giấy khai sinh của Soan vào các giấy tờ mà T đã đưa.

Lương H C viết nội dung “Nguyễn Thị Xoan - sinh ngày 07/5/1980 ở thôn 8 - xã Vụ Quang - huyện Đoan Hùng - tỉnh Phú Thọ...” vào phần khai trong các mẫu Đơn xin cấp CMND, Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, sau đó Cường viết xác nhận, ký tên đóng dấu Công an xã, đóng dấu chức danh vào các mục “Xác nhận của Công an xã” và đóng dấu giáp lai lên ảnh dán trên các giấy tờ này. Cường khai: bản sao giấy khai sinh ghi họ tên của Soan là Nguyễn Thị Xoan, nên Cường viết đúng như vậy vào các giấy tờ nêu trên, cũng như viết đầy đủ nội dung vào quyển sổ hộ khẩu rồi đóng dấu xác nhận, vì biết rõ những người trong gia đình Soan rồi đưa lại cho T, T trả cho Cường bản sao giấy khai sinh, Cường đã mang về trả cho Nguyễn Thị Soan.

Kết luận giám định số 664/PC 21 ngày 27/ 04 /2009 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: chữ viết, chữ ký xác nhận trong Đơn xin cấp CMND, Tờ khai đề nghị cấp Hộ chiếu phổ thông mang tên Nguyễn Thị Xoan, dán ảnh của Phạm T H là chữ viết, chữ ký của Lương H C và hình dấu đóng trên hai giấy tờ này là hình dấu của Công an xã Vụ Quang - Đoan Hùng - Phú Thọ.

Ngày 28 /10 /2009, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử Lương H C 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 tháng về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép và Giả mạo trong công tác.

Đối với Bị can Nguyễn Đ T hiện bỏ trốn, Cơ quan Công an đã ra Quyết định truy nã đối với T. Ngày 10/6/2022, bắt được Nguyễn Đ T theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đ T khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai do hoàn cảnh khó khăn đã lên Mường Tè, tỉnh Lai Châu sống trốn nợ, có điện thoại về gia đình được biết T bị truy nã. Khi bị bắt giữ thu được trong người của T một số giấy tờ tùy thân có dán ảnh của T gồm: 02 Chứng minh nhân dân cùng số 045071270 do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 14/4/2009 và cấp ngày 09/6/2015, Giấy phép lái xe số 120157000062 cấp ngày 30/01/2015 cùng mang tên Lê Văn Vượng, sinh ngày 15/8/1970; Nguyên quán: Thạch Khoán, Thanh Sơn, Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. T khai: Khoảng cuối năm 2007, T đến cư trú và làm ăn sinh sống tại bản Pắc Ma, xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Quá trình sinh sống tại đây, T xin được Giấy khai sinh có đóng dấu của xã (UBND xã) nhưng chưa ghi nội dung từ một cô giáo ở Trường mầm

non thuộc bản Pắc Ma (không nhớ rõ xin của cô giáo nào), sau đó T tự viết nội dung vào Giấy khai sinh này để sử dụng đăng ký hộ khẩu thường trú tại Công an xã Mường Tè vào khoảng cuối năm 2008, đầu năm 2009. Các thông tin mà T ghi trong Giấy khai sinh là do T đã làm thủ tục cho Lê Duy Vượng (sinh ngày 15/8/1970, HKTT: xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ) xuất cảnh nước ngoài và còn lưu thông tin của Vượng (lúc điền thông tin vào Giấy khai sinh, T thay tên đệm “Duy” thành “Văn” và tự nghĩ ra tên mẹ là Lê Thị Sửu để điền vào...). Tháng 4/2009, có đoàn của Công an đến xã vận động nhân dân trên địa bàn làm CMND nên T đã làm thủ tục và được cấp CMND số 045071270 mang tên Lê Văn Vượng (CMND cấp ngày 14/4/2009) như thông tin trong hộ khẩu thường trú; Tháng 01/2015, T sử dụng CMND này để thi lấy bằng lái xe máy và được cấp Giấy phép lái xe số 120157000062; Sau đó, do làm mất CMND (mang tên Lê Văn Vượng cấp ngày 14/4/2009) nên T làm thủ tục xin cấp lại và ngày 09/6/2015 T được cấp lại CMND số 045071270 mang tên Lê Văn Vượng; một thời gian sau, người nhặt được CMND cấp ngày 14/4/2009 đã trả lại cho T.

Đã tiến hành xác minh, thu thập Giấy khai sinh mang tên Lê Văn Vượng tại bộ phận chức năng của xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xác định: Giấy khai sinh này không được lưu trữ tại xã (không thu được bản sao Giấy khai sinh mà T đã trình bày dùng kê khai họ tên Lê Văn Vượng để xin cấp Hộ khẩu thường trú tại xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu); Tại “Sổ đăng ký thường trú” của xã Mường Tè có thông tin cư trú của Lê Văn Vượng, sinh ngày 15/8/1970, quê quán: xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đăng ký ngày 29/9/2008. Về thủ tục xin cấp CMND mang tên Lê Văn Vượng: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Lai Châu đã cung cấp bản sao Tờ khai chứng minh nhân dân số 045071270, lập ngày 09/6/2015 mang tên Lê Văn Vượng, sinh ngày 15/8/1970.

- Đối với hành vi khai báo thông tin không đúng sự thật để được đăng ký thường trú tại xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và được cấp CMND mang tên Lê Văn Vượng, sinh ngày 15/8/1970 của T: có dấu hiệu của tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên hiện tại không thu giữ được bản chính của bản sao Giấy khai sinh mà T đã khai nhận, xét thấy không cần thiết phải xử lý hình sự đối với T, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi trên. Hành vi làm giả thủ tục để được đăng ký thường trú, CMND, Giấy phép lái xe mang tên Lê Văn Vượng của Nguyễn Đ T không cần thiết phải xử lý về hình sự, nên Cơ quan điều tra sẽ chuyển văn bản kèm theo 02 Chứng minh nhân dân số 045071270, cũng như Giấy phép lái xe số 120157000062 đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Lai Châu và Sở Giao thông vận tải tỉnh Lai Châu đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đ T về các

hành vi quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 và Điều 37 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

Anh Lê Duy Vượng xác nhận năm 2006 có đi cùng Phạm T H lên Phú Thọ để H gặp Nguyễn Đ T, vì H nhờ Vượng đi cùng để chỉ đường, Vượng không tham gia vào việc làm giả giấy tờ xin cấp CMND, Hộ chiếu cho H mang tên người khác. Lê Duy Vượng không có đề nghị gì với Cơ quan điều tra về việc năm 2006 T tổ chức cho Vượng xuất cảnh sang Nhật Bản và Vượng cũng không có liên hệ với T kể từ năm 2007 cho đến nay, anh Vượng không biết T sử dụng tên Lê Văn Vượng, sinh ngày 15/8/1970 để đăng ký thường trú tại xã Muồng Tè, huyện Muồng Tè, tỉnh Lai Châu nên không đề cập xử lý.

Cáo trạng số 409/CT-VKS-P1 ngày 18/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Đ T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo quy định tại khoản 1, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1, Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Đ T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, do gia đình bị cáo khó khăn, con bị cáo bị bại não từ nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội cho rằng: Căn cứ vào các lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đ T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo quy định tại khoản 1, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1, Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 18-24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2022.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng để tịch thu, sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đ T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải. Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Khoảng cuối năm 2005, Nguyễn Đ T có hành vi nhờ Lê Huy Cường xác nhận giấy tờ tùy thân không đúng sự thật cho Phạm T H làm chứng minh nhân dân và hộ chiếu B0216315 mang tên Nguyễn Thị Xoan để H nhập cảnh sang Nhật Bản trái phép, hưởng lời số tiền 10 triệu đồng. Hành vi của Lê Huy Cường đã bị xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2009/HSST ngày 28/12/2009, Nguyễn Đ T trốn truy nã, đến ngày 10/6/2022 bị bắt nên HĐXX xem xét đối với hành vi của bị cáo T.

Hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, điều 275 Bộ luật hình sự 1999. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng hình phạt đối với bị cáo T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Cáo trạng số 409/CT-VKS-P1 ngày 18/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Đ T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo quy định tại khoản 1, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1, Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực Xuất nhập cảnh và quản lý người lao động ở tại nước ngoài, ảnh hưởng xấu đến việc hợp tác xuất khẩu lao động của Nhà nước. Bị cáo trước đây từng công tác trong ngành Công an nhân dân, biết việc làm giả giấy tờ tài liệu để xuất cảnh là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 20/3/2007 T bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 1, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc T phải nộp số tiền 14.800.000 đồng để sung quỹ nhà nước và bị cáo T phải chịu 50.000 đồng án phí. Số tiền trên T đã nộp 750.000 đồng và được miễn 4.700.000 đồng, hiện nay T chưa thi hành đối với số tiền còn lại là 9.400.000 đồng theo quyết định có hiệu lực của bản án vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm đối với T theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, răn đe, cải tạo bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình nhờ Cường xác nhận giấy tờ tùy thân không đúng sự thật cho Phạm T H để H nhập cảnh trái phép vào Nhật Bản, T có hưởng lợi của H 10 triệu đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần thuộc T nộp để tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đ T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Đ T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*”.

Áp dụng khoản 1, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ T 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là 10/6/2022.

Buộc bị cáo T phải nộp 10.000.000 đồng thu lời bất chính để tịch thu, sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đ T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yến